

Số: 599/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức
sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Ninh năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về
tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng
ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại
công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản
lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 669/SNV-CCVC ngày 27/5/2019 của Sở Nội vụ tỉnh
Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục
và Đào tạo năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng viên chức
sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Ninh năm 2019.

Điều 2. Giao phòng Nội vụ chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên
quan tham mưu, tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng viên chức đúng quy trình,
quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ,
Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành quyết định này. /s. *hcv*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Thường trực HU;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND (đăng Website);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NV. *hcv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Trung Đông

KẾ HOẠCH

**Tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
huyện Quảng Ninh năm 2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/6/2019
của UBND huyện Quảng Ninh)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 ngày 14 tháng 06 năm 2005; Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009 ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Căn cứ Thông tư 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ nội vụ hướng dẫn về sửa đổi, bổ sung Điều 6, Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức;

Căn cứ Điều lệ trường Mầm non Ban hành kèm theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều lệ trường Tiểu học Ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 21/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ thông tư Liên tịch: Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD và ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non; Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của bộ Nội vụ và Bộ GD và ĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ thông tin và truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BGDĐT ngày 21/03/2016 Của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 07 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 559/SNV-CCVC ngày 08/5/2013 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 669/SNV-CCVC ngày 27/5/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc giao tổng chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số lượng người làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù và Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ năm 2019 của tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-SNV ngày 18/01/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù và Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ năm 2019;

Căn cứ vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp và biên chế được giao của các đơn vị sự nghiệp giáo dục;

Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2019 như sau:

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu:

- Tổng biên chế được giao năm học 2018-2019: **1.456** biên chế (sự nghiệp: 1452, HĐ 68: 04).



- Biên chế hiện có (tính đến ngày 01/4/2019): **1.407** biên chế (sự nghiệp: 1.403; HĐ 68: 04). Còn thiếu: **49** biên chế.

- Chỉ tiêu tuyển dụng: Tổng số **34** chỉ tiêu.

(Cụ thể từng đơn vị có biểu phụ lục 1 đính kèm)

2. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển.

3. Vị trí việc làm cần tuyển dụng:

* Chỉ tiêu tuyển dụng: Tổng số **34** chỉ tiêu, trong đó:

- Khối Tiểu học: **12** chỉ tiêu;

- Khối Mầm non: **22** chỉ tiêu;

(Vị trí việc làm cụ thể có biểu phụ lục 02 đính kèm)

4. Nội dung và hình thức xét tuyển (xét tuyển được thực hiện theo 2 vòng như sau):

- Vòng 1: Kiểm tra, điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người dự tuyển.

Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

Thời gian phỏng vấn 30 phút (kể cả thời gian chuẩn bị bài).

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

4.1. Đối tượng xét tuyển:

Người đăng ký dự tuyển phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển tại (phụ lục 02) đính kèm, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 22 Luật Viên chức.

Nếu những người trước khi đăng ký xét tuyển đã có thời gian tham gia công tác tại các cơ quan, đơn vị thì phải có bản tự nhận xét, đánh giá và được người sử dụng lao động đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên. Trong thời gian công tác không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4.2 Điều kiện, tiêu chuẩn:

4.2.1. Điều kiện chung

a. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự xét tuyển viên chức:

- Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam.

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có dị dạng, dị tật về thể hình.
- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên.
- Có hồ sơ đăng ký dự tuyển, có lý lịch rõ ràng, có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ được giao, chấp hành sự phân công công tác của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khi được tuyển dụng.
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện, vị trí việc làm cần tuyển dụng của Kế hoạch này.
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

b. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức.

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế hành vi năng lực dân sự.
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành các bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

4.2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể:

Người đăng ký dự tuyển phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ và điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng tại phụ lục 2 đính kèm, đồng thời đáp ứng đầy đủ điều kiện chung quy định tại mục 4.2.1, Mục II của Kế hoạch này.

4.2.3. Tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học:

- Chứng chỉ về ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng chức danh nghề nghiệp vụ thể.

Trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì tạm thời sử dụng các chứng chỉ A, B, C quy đổi theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 696/SGDĐT -TCCB ngày 23/4/2018 về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

- Chứng chỉ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Việc quy đổi chứng chỉ tin học thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp



chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin: Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

4.3. Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp **Phiếu đăng ký dự tuyển** ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Thời hạn nhận phiếu dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của huyện Quảng Ninh.

4.4. Quy định đăng ký nguyện vọng tuyển dụng:

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký một nguyện vọng theo vị trí việc làm đã xây dựng trong Kế hoạch này. Thí sinh nào vi phạm sẽ không được dự tuyển hoặc bị huỷ bỏ kết quả tuyển dụng.

- Trong phiếu đăng ký dự tuyển chỉ ghi vị trí và mã dự tuyển không ghi đơn vị dự tuyển cụ thể (trừ những vị trí TH02, TH03, MN03, MN04).

4.5. Lệ phí đăng ký dự tuyển:

Áp dụng theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Mức thu: 500.000 đồng/thí sinh.

4.6. Thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

- Thời gian thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sẽ có thông báo cụ thể sau.

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Phòng Nội vụ huyện Quảng Ninh.

4.7. Nội dung kiến thức ôn tập liên quan đến nội dung phỏng vấn.

4.7.1 Phần kiến thức chung:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010.

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH12 ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009; Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 31/12/2015.

- Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/5/2015 của Chính phủ về phân loại, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/5/2015 về phân loại, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức;

- Quy định về đạo đức nhà giáo (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4.7.2. Phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ:

*** Đối với người đăng ký dự tuyển giáo viên Mầm non:**

- Điều lệ trường Mầm non (Ban hành kèm theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015).

- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình Giáo dục Mầm non; Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT.

- Quyết định số 02/2008/QĐ-BGD và ĐT ngày 22/01/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non.

*** Đối với giáo viên Tiểu học:**

- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 21/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học;

- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 về hợp nhất Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 14/2007/QĐ-BGD và ĐT ngày 04/5/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học.

4.8. Cách tính điểm:

+ Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

+ Kết quả xét tuyển (KQXT) là tổng số điểm của điểm phỏng vấn (ĐPV) + điểm ưu tiên (ĐƯT) (nếu có)

$$\text{KQXT} = \text{ĐPV} + \text{ĐƯT}$$

4.9. Xác định người trúng tuyển:

- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có hồ sơ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

+ Có điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên.

+ Có số điểm phỏng vấn vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm theo từng chức danh nghề nghiệp.

Riêng vị trí TH02, MN03, MN04 ưu tiên tuyển trước đối với người tốt nghiệp hệ cử tuyển hiện có hộ khẩu thường trú tại huyện Quảng Ninh từ trước ngày 01/01/2019 có điểm phỏng vấn đạt từ đủ 50 điểm trở lên.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch UBND huyện quyết định người trúng tuyển.

- Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:

+ Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

+ Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ; con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19/8/1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

+ Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

- Sau khi có ý kiến thẩm định Kế hoạch tuyển dụng của Sở Nội vụ, UBND huyện thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của huyện Quảng Ninh tại địa chỉ: <https://quangninh.quangbinh.gov.vn>; niêm yết công khai tại Phòng Nội vụ, thông báo bằng văn bản gửi tới các đơn vị



có nhu cầu xét tuyển viên chức sự nghiệp về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển dụng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển.

- Phòng Nội vụ giúp UBND huyện thu nhận hồ sơ và lệ phí tuyển dụng. Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng (05 - 07 thành viên), Ban Giám sát kỳ tuyển dụng, các Ban và Tổ giúp việc; niêm yết công khai lịch trình hoạt động của Hội đồng tuyển dụng tại UBND huyện.

- Căn cứ kết quả xét tuyển và đề nghị của Hội đồng tuyển dụng, Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, công nhận trúng tuyển viên chức, chỉ đạo việc bố trí công tác và ký hợp đồng làm việc với viên chức trúng tuyển theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý.

- Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với phòng Giáo dục & Đào tạo và các cơ quan liên quan để tham mưu thực hiện các quy trình, thủ tục tuyển dụng theo đúng quy định; tham mưu thành lập Ban Giám sát, Hội đồng tuyển dụng, các Ban và Tổ giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng; tổ chức thu hồ sơ và bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Hội đồng tuyển dụng.

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm cử công chức, viên chức tham gia vào Ban Giám sát, Hội đồng tuyển dụng, các Ban và Tổ giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng theo quyết định của Chủ tịch UBND huyện và của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 22/4/2019 của UBND huyện Quảng Ninh).

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị sự nghiệp GD;
- Lưu: VT, NV.


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
Phạm Trung Đông

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỔNG HỢP

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh)

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc được giao năm 2019	Số lượng người làm việc hiện có đến ngày 01/4/2019	Số lượng người làm việc còn chưa tuyển dụng	Đăng ký tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng		Ghi chú
						Xét tuyển thông thường	Thi tuyển	
KHỐI TIỂU HỌC		201	185	16	12	12		
1	Trường TH số 2 Gia Ninh	20	17	3	2	2		
2	Trường TH số 1 Gia Ninh	23	19	4	3	3		
3	Trường TH Hàm Ninh	22	20	2	1	1		
4	Trường PTDT BT TH Trường Xuân	25	23	2	2	2		
5	Trường PTDT BT TH Trường Sơn	31	30	1	1	1		
6	Trường TH Long Sơn	30	29	1	1	1		
7	Trường TH Vạn Ninh	30	28	2	1	1		
8	Trường TH số 1 An Ninh	20	19	1	1	1		
KHỐI MẦM NON		375	351	24	22	22		
1	Trường MN Hàm Ninh	30	28	2	2	2		
2	Trường MN Duy Ninh	32	30	2	2	2		
3	Trường MN Hải Ninh	38	36	2	2	2		
4	Trường MN Vạn Ninh	36	34	2	2	2		
5	Trường MN Trường Sơn	40	37	3	1	1		
6	Trường MN Lương Ninh	28	27	1	1	1		

7	Trường MN Gia Ninh	39	35	4	4	4		
8	Trường MN Trường Xuân	26	23	3	3	3		
9	Trường MN An Ninh	42	40	2	2	2		
10	Trường MN Tân Ninh	26	25	1	1	1		
11	Trường MN Vĩnh Ninh	38	36	2	2	2		
	Tổng cộng:	576	536	40	34	34		

27



**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD&ĐT NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND huyện Quảng Ninh)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Đơn vị tuyển dụng	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			
					Trình độ CM, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú
I KHÓI TIỂU HỌC (12 chỉ tiêu)								
TH01	Giáo viên Tiểu học, hạng IV, V.07.03.09	10	Giáo viên dạy Tiểu học	TH số 2 Gia Ninh: 02; TH số 1 Gia Ninh: 03; TH Hàm Ninh: 01; TH Long Sơn: 01; PTDT BTTH Trường Sơn: 01; TH Vạn Ninh: 01; TH số 1 An Ninh: 01	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. Trong trường hợp chưa có đủ điều kiện theo yêu cầu trình độ đạt chuẩn về công nghệ thông tin nêu trên, người dự tuyển phải có chứng chỉ Tin học trình độ B hoặc tương đương trở lên	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014. Trong trường hợp chưa có đủ điều kiện theo yêu cầu trình độ ngoại ngữ nêu trên, người dự tuyển phải có chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B hoặc tương đương trở lên	Ưu tiên người thuộc đối tượng cử tuyển
TH02	Giáo viên Tiểu học, hạng IV, V.07.03.09	1	Giáo viên dạy Tiểu học, Trường PTDT BT TH Trường Xuân	Trường PTDT BT TH Trường Xuân	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học			
TH03	Giáo viên Tiểu học, hạng IV, V.07.03.09	1	Giáo viên Tổng phụ trách Đội, Trường PTDT BT TH Trường Xuân	Trường PTDT BT TH Trường Xuân	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học có chứng chỉ Đoàn, Đội			



Handwritten signature or mark.

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Đơn vị tuyển dụng	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			
					Trình độ CM, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Ghi chú
II MẦM NON (22 chỉ tiêu)								
MN01	Giáo viên mầm non, hạng IV, V.07.02.06	10	Giáo viên dạy mầm non	MN Hàm Ninh: 02; MN Lương Ninh: 01; MN An Ninh: 02; MN Tân Ninh: 01; MN Vĩnh Ninh: 02; MN Duy Ninh: 02	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014. Trong trường hợp chưa có đủ điều kiện theo yêu cầu trình độ đạt chuẩn về công nghệ thông tin nêu trên, người dự tuyển phải có chứng chỉ Tin học trình độ B hoặc tương đương trở lên	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014. Trong trường hợp chưa có đủ điều kiện theo yêu cầu trình độ ngoại ngữ nêu trên, người dự tuyển phải có chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B hoặc tương đương trở lên	Ưu tiên người thuộc đối tượng cử tuyển
MN02	Giáo viên mầm non, hạng IV, V.07.02.06	8	Giáo viên dạy mầm non	MN Hải Ninh: 02; MN Gia Ninh: 04; MN Vạn Ninh: 02	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên ngành Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non			
MN03	Giáo viên mầm non, hạng IV, V.07.02.06	3	Giáo viên dạy mầm non, Trường MN Trường Xuân	Trường MN Trường Xuân	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên ngành Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non			
MN04	Giáo viên mầm non, hạng IV, V.07.02.06	1	Giáo viên dạy mầm non, Trường MN Trường Sơn	Trường MN Trường Sơn	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên ngành Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non			
Tổng số I+II		34						Ưu tiên người thuộc đối tượng cử tuyển